

Phòng thi: 59-G408 (ĐHKHXHNV); Ngày thi 08/9/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Mã đề
1	850001	17032179	Nguyễn Thị Bằng An	24/04/1999	KHTV	ĐHKHXHNV			
2	850002	17032245	Bùi Tuấn Anh	04/12/1999	Lưu trữ học	ĐHKHXHNV			
3	850003	17032180	Cao Thị Vân Anh	23/07/1999	KHTV	ĐHKHXHNV			
4	850004	17032297	Chu Thúy Anh	15/10/1999	Triết học	ĐHKHXHNV			
5	850005	17032247	Hoàng Trung Anh	29/11/1995	Lưu trữ học	ĐHKHXHNV			
6	850006	17032225	Nguyễn Thị Minh Anh	17/02/1999	Lịch sử	ĐHKHXHNV			
7	850007	16031665	Phạm Ngọc Anh	04/09/1998	KHQL	ĐHKHXHNV			
8	850008	17032249	Phạm Thị Vân Anh	27/02/1998	Lưu trữ học	ĐHKHXHNV			
9	850009	17032187	Nguyễn Ngọc Ánh	05/01/1999	KHTV	ĐHKHXHNV			
10	850010	17032358	Nguyễn Thị Biên	22/11/1999	văn học	ĐHKHXHNV			
11	850011	17032252	Phùng Thị Phương Chi	23/11/1999	Lưu trữ học	ĐHKHXHNV			
12	850012	16030789	Trần Thị Chi	09/12/1999	Nhân học	ĐHKHXHNV			
13	850013	17032300	Triệu Thị Thúy Chinh	14/11/1999	Triết học	ĐHKHXHNV			
14	850014	17010604	Vũ Văn Công	06/10/1999	SPLS	ĐHKHXHNV			
15	850015	17032152	Lường Văn Cường	23/06/1998	CTXH	ĐHKHXHNV			
16	850016	17032119	Vàng A Diệu	01/02/1998	Chính trị học	ĐHKHXHNV			
17	850017	17030150	Đỗ Thành Đô	10/04/1999	CTH	ĐHKHXHNV			
18	850018	17032154	Dương Văn Đức	27/08/1996	CTXH	ĐHKHXHNV			
19	850019	17032155	Trịnh Xuân Đức	14/09/1999	CTXH	ĐHKHXHNV			
20	850020	17032303	Vũ Thị Dung	13/04/1997	Triết học	ĐHKHXHNV			
21	850021	17032227	Nguyễn Tiến Dũng	30/03/1999	Lịch sử	ĐHKHXHNV			
22	850022	17030740	Vũ Tiến Dũng	24/05/1999	Lịch sử	ĐHKHXHNV			
23	850023	17030742	Trần Thị Thùy Dương	22/09/1998	Lịch sử	ĐHKHXHNV			
24	850024	17030920	Bùi Thị Duyên	08/09/1999	NNH	ĐHKHXHNV			
25	850025	17031257	Lê Thị Duyên	29/05/1999	QTKS	ĐHKHXHNV			
26	850026	17030921	Trần Thị Hồng Duyên	01/07/1999	NNH	ĐHKHXHNV			
27	850027	16010606	Vũ Thị Duyên	15/06/1997	SPS	ĐHKHXHNV			
28	850028	17010511	Nguyễn Hương Giang	14/09/1999	SPV	ĐHKHXHNV			
29	850029	17032228	<b>Nguyễn Thị Thu Giang</b>	12/03/1999	<b>Lịch sử</b>	ĐHKHXHNV			
30	850030	17032305	Nguyễn Trường Giang	11/01/1997	Triết học	ĐHKHXHNV			
31	850031	17010607	Phạm Hương Giang	05/10/1999	SPLS	ĐHKHXHNV			
32	850032	17032255	Nguyễn Bảo Hà	12/06/1999	Lưu trữ học	ĐHKHXHNV			
33	850033	17032191	Nguyễn Thị Hải Hà	13/08/1999	KHTV	ĐHKHXHNV			
34	850034	17032192	Vũ Thị Hải	25/03/1998	KHTV	ĐHKHXHNV			
35	850035	17032195	Nguyễn Thanh Hằng	20/04/1996	KHTV	ĐHKHXHNV			
36	850036	17032196	Phạm Thị Thu Hằng	28/09/1999	KHTV	ĐHKHXHNV			

37	850037	17031264	An Thị Hồng Hạnh	17/03/1999	QTKS	ĐHKHXHNV			
38	850038	17032417	Ngô Thị Hạnh	29/09/1999	XHH	ĐHKHXHNV			
39	850039	17032309	Trần Thị Hạnh	27/06/1999	Triết học	ĐHKHXHNV			
40	850040	17032310	Bùi Thị Hiền	16/10/1998	Triết học	ĐHKHXHNV			
41	850041	17031853	Đoàn Thị Hiền	15/03/1999	văn học	ĐHKHXHNV			
42	850042	17031008	Nguyễn Thanh Hiền	09/11/1999	Nhân học	ĐHKHXHNV			
43	850043	17031160	Nguyễn Thị Thu Hiền	25/06/1999	QTDVDL&LH	ĐHKHXHNV			
44	850044	17032311	Hoàng Trọng Hiệp	15/07/1999	Triết học	ĐHKHXHNV			
45	850045	17032315	Nguyễn Xuân Hiếu	18/09/1999	Triết học	ĐHKHXHNV			
46	850046	17032316	Phạm Trung Hiếu	10/05/1999	Triết học	ĐHKHXHNV			
47	850047	17032229	Trần Kim Hiếu	09/09/1999	Lịch sử	ĐHKHXHNV			

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1: .....

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

Phòng thi: 60-G501 (ĐHKHXHNV); Ngày thi 08/9/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Mã đề
1	850048	17032197	Đinh Thị Hoa	12/11/1998	KHTV	ĐHKHXHNV			
2	850049	17032318	Lê Thị Phương Hoa	12/02/1999	Triết học	ĐHKHXHNV			
3	850050	17032230	Dương Thị Hoài	11/09/1999	Lịch sử	ĐHKHXHNV			
4	850051	17032264	Nguyễn Việt Hoàng	13/08/1999	Lưu trữ học	ĐHKHXHNV			
5	850052	17032231	Hoàng Công Học	27/02/1999	Lịch sử	ĐHKHXHNV			
6	850053	17032320	Trần Thị Huệ	21/05/1999	Triết học	ĐHKHXHNV			
7	850054	17032321	Lưu Thị Huệ	04/08/1999	Triết học	ĐHKHXHNV			
8	850055	17032322	Đinh Tiến Hùng	15/05/1999	Triết học	ĐHKHXHNV			
9	850056	17032232	Nguyễn Khắc Hùng	26/07/1999	Lịch sử	ĐHKHXHNV			
10	850057	17032267	Nguyễn Thị Hương	02/02/1999	Lưu trữ học	ĐHKHXHNV			
11	850058	17030932	Phạm Thị Thu Hương	09/11/1999	NNH	ĐHKHXHNV			
12	850059	17032426	Hà Thị Huyền	23/03/1999	XHH	ĐHKHXHNV			
13	850060	17010616	HỒ THỊ THU HUYỀN	14/12/1999	SPLS	ĐHKHXHNV			
14	850061	17032323	Lã Thị Huyền	07/10/1999	Triết học	ĐHKHXHNV			
15	850062	17034517	Kim Sung Hyun	10/01/1998	QTDVDLLH	ĐHKHXHNV			
16	850063	17032270	Dương Vũ Đình Khải	01/12/1999	Lưu trữ học	ĐHKHXHNV			
17	850064	17031017	Trần Quốc Khánh	09/09/1999	Nhân học	ĐHKHXHNV			
18	850065	17031176	Đông Bảo Lâm	02/02/1999	QTDVDL&LH	ĐHKHXHNV			
19	850066	17030868	Nguyễn Đình Lâm	18/06/1999	Lưu trữ học	ĐHKHXHNV			
20	850067	16010614	Nguyễn Thị Nhật Lệ	10/05/1998	SPS	ĐHKHXHNV			
21	850068	17030051	Đinh Hồng Liên	09/07/1999	Báo chí	ĐHKHXHNV			
22	850069	17032160	Hồ Thị Linh	30/05/1998	CTXH	ĐHKHXHNV			
23	850070	17031666	Nguyễn Văn Linh	19/07/1999	hông tin thư việ	ĐHKHXHNV			
24	850071	17032329	Phạm Thị Linh	03/11/1999	Triết học	ĐHKHXHNV			
25	850072	16010616	Trần Thị Mỹ Linh	02/08/1998	SPS	ĐHKHXHNV			
26	850073	16030497	Đặng Quốc long	14/09/1998	KHQL	ĐHKHXHNV			
27	850074	17032133	Hoàng Văn Lưu	16/02/1999	CTH	ĐHKHXHNV			
28	850075	17032205	Bùi Minh Lý	26/05/1999	KHTV	ĐHKHXHNV			
29	850076	17031359	Nguyễn Thị Mai	25/08/1999	QTVP	ĐHKHXHNV			
30	850077	17032206	Nguyễn Trà My	26/03/1998	KHTV	ĐHKHXHNV			
31	850078	17032276	Nguyễn Thị Nam	09/09/1999	Lưu trữ học	ĐHKHXHNV			
32	850079	17032333	Nguyễn Thị Thúy Ngân	20/09/1999	Triết học	ĐHKHXHNV			
33	850080	17032208	Phạm Thị Kim Ngân	17/06/1999	KHTV	ĐHKHXHNV			
34	850081	17030617	Đào Anh Nghĩa	12/03/1999	KHQL	ĐHKHXHNV			
35	850082	17032163	Bùi Thị Nghiêm	22/12/1999	CTXH	ĐHKHXHNV			
36	850083	17010541	NGUYỄN THỊ HUYỀN	05/09/1999	SPNV	ĐHKHXHNV			
37	850084	17030078	Lê Mỹ Nhân	18/05/1999	Báo chí	ĐHKHXHNV			

38	850085	17032335	Phùng Thị Thanh Nhân	24/10/1999	Triết học	ĐHKHXHNV			
39	850086	17032059	Bùi Thị Hồng Nhung	23/02/1999	XHH	ĐHKHXHNV			
40	850087	17032210	Đặng Hồng Nhung	04/09/1997	KHTV	ĐHKHXHNV			
41	850088	17032212	Nguyễn Phi Nhung	15/04/1999	KHTV	ĐHKHXHNV			
42	850089	17031801	Nguyễn Thị Hồng Nhung	03/07/1999	Triết học	ĐHKHXHNV			
43	850090	17032278	Nông Thị Nương	17/10/1999	Lưu trữ học	ĐHKHXHNV			
44	850091	17031039	Hoàng Đức Hồng Phong	09/01/1999	Nhân học	ĐHKHXHNV			
45	850092	17031040	Nguyễn Huân Phúc	23/09/1998	Nhân học	ĐHKHXHNV			
46	850093	17032279	Trần Thị Bích Phương	23/12/1999	Lưu trữ học	ĐHKHXHNV			

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1: .....

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

**Hà Nội, ngày tháng năm 2017**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

Phòng thi: 60-G502 (ĐHKHXHNV); Ngày thi 08/9/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Mã đề
1	850094	17032137	Trần Hoàng Quân	20/03/1998	Chính trị học	ĐHKHXHNV			
2	850095	17032280	Nguyễn Thị Quyên	14/01/1999	Lưu trữ học	ĐHKHXHNV			
3	850096	17031119	Đỗ Tố Quỳnh	21/05/1999	QHCC	ĐHKHXHNV			
4	850097	17032169	Nguyễn Thị Quỳnh	12/10/1999	CTXH	ĐHKHXHNV			
5	850098	17032218	Nguyễn Thị Như Quỳnh	06/05/1999	KHTV	ĐHKHXHNV			
6	850099	17032282	Vương Thị Quỳnh	25/03/1999	Lưu trữ học	ĐHKHXHNV			
7	850100	17032139	Phùng Thị Sen	19/08/1999	Chính trị học	ĐHKHXHNV			
8	850101	17010571	Nguyễn Bùi Như Sơn	24/09/1998	SPV	ĐHKHXHNV			
9	850102	17031307	Nguyễn Đức Tâm	02/08/1999	QTKS	ĐHKHXHNV			
10	850103	17030038	Nguyễn Thị Hồng Thắm	07/04/1999	Báo chí	ĐHKHXHNV			
11	850104	17031785	Trần Văn Thân	02/06/1999	Triết học	ĐHKHXHNV			
12	850105	17032284	Nguyễn Thị Thanh	02/07/1999	Lưu trữ học	ĐHKHXHNV			
13	850106	17010628	Nguyễn Thị Thanh	29/01/1999	SPS	ĐHKHXHNV			
14	850107	17032285	Chu Thị Thành	02/09/1999	Lưu trữ học	ĐHKHXHNV			
15	850108	17032240	Đỗ Phương Thảo	06/05/1999	Lịch sử	ĐHKHXHNV			
16	850109	17030969	Nguyễn Phương Thảo	02/02/1999	Ngôn ngữ học	ĐHKHXHNV			
17	850110	17032219	Nguyễn Thanh Thảo	28/07/1999	KHTV	ĐHKHXHNV			
18	850111	17032286	Nguyễn Thị Thảo	05/04/1999	Lưu trữ học	ĐHKHXHNV			
19	850112	17031813	Nguyễn Thị Thiên Thảo	21/09/1999	Triết học	ĐHKHXHNV			
20	850113	16030471	Phạm Phương Thảo	17/04/1998	KHQL	ĐHKHXHNV			
21	850114	17032241	Trần Thu Thảo	29/10/1999	Lịch sử	ĐHKHXHNV			
22	850115	17032141	Hoàng Huy Thi	24/03/1998	Chính trị học	ĐHKHXHNV			
23	850116	17032173	Hoàng Kim Thoa	22/10/1999	CTXH	ĐHKHXHNV			
24	850117	17032290	Lê Thị Minh Thư	24/06/1999	Lưu trữ học	ĐHKHXHNV			
25	850118	17031056	Văn Việt Minh Thuận	03/11/1999	Nhân học	ĐHKHXHNV			
26	850119	17032221	Nguyễn Thị Hoài Thuron	19/09/1999	KHTV	ĐHKHXHNV			
27	850120	17032174	Hoa Thị Thủy	30/06/1999	CTXH	ĐHKHXHNV			
28	850121	17032142	Đỗ Huy Tiến	15/09/1999	Chính trị học	ĐHKHXHNV			
29	850122	16010630	Hoàng Thúy Trà	28/06/1998	SPS	ĐHKHXHNV			
30	850123	17032293	Nguyễn Thu Trang	04/03/1999	Lưu trữ học	ĐHKHXHNV			
31	850124	17030123	Trần Thị Trang	13/03/1999	Báo chí	ĐHKHXHNV			
32	850125	17031512	Trịnh Phương Trang	26/01/1999	QTH	ĐHKHXHNV			
33	850126	17032145	Hoàng Mạnh Trường	12/04/1997	Chính trị học	ĐHKHXHNV			
34	850127	17031326	Nguyễn Văn Trường	24/08/1998	QTKS	ĐHKHXHNV			
35	850128	17032177	Đào Minh Tuấn	26/11/1996	CTXH	ĐHKHXHNV			
36	850129	17032148	Nguyễn Ngọc Tuấn	12/08/1998	Chính trị học	ĐHKHXHNV			

37	850130	17030664	Nguyễn Văn Tuấn	10/09/1999	KHQL	ĐHKHXHNV			
38	850131	17031132	Nguyễn Thị Tuyết	26/06/1999	QHCC	ĐHKHXHNV			
39	850132	17031745	Nguyễn Lê Thảo Uyên	08/06/1999	Tôn giáo học	ĐHKHXHNV			
40	850133	17032149	Đào Thị Vân	04/12/1999	Chính trị học	ĐHKHXHNV			
41	850134	17030130	Lê Thị Vân	06/04/1998	Báo chí	ĐHKHXHNV			
42	850135	17030134	Hoàng Thị Yến	08/02/1999	Báo chí	ĐHKHXHNV			
43	850136	17010639	Nguyễn Thị Yến	18/11/1999	SPS	ĐHKHXHNV			
44	850137	17031929	Phạm Thị Yến	22/10/1999	Văn học	ĐHKHXHNV			
45	850138	17032261	Đình Trung Hiếu	03/09/1998	Lưu trữ học	ĐHKHXHNV			
46	850139	17030045	Tô Thị Huyền	09/03/1999	Báo chí	ĐHKHXHNV			

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1: .....

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**